TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-03-2023
"Về tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.

2- Bà Lê Thị Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐST–HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Công M, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-12-2022, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết S trình bày: Bà S và ông Nguyễn Công M tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã L, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận ĐKKH số 26/2014. Sau khi cưới bà S và ông M chung sống tình cảm vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông M không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Nay bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà S xin ly hôn với ông M. Về con chung: Bà S và ông M có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/5/2009, khi ly hôn con đã lớn, con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn là ông Nguyễn Công M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn đúng như lời bà S trình bày, nay bà S yêu cầu ly hôn thì ông M không

đồng ý, ông M còn thương vợ con, ông M muốn vợ chồng hàn gắn đẻ cùng xây dựng hạnh phúc nuôi con. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/5/2009, hiện con đang ở với bà S, nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì con đã lớn, con có nguyện vọng ở với ai thì người ấy nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Tuyết S xin ly hôn với ông Nguyễn Công M vì vậy xác định tranh chấp giữa bà S và ông M là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Bà S có đơn xin vắng mặt, bị đơn là ông M đã được Tòa án thông báo phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời trình bày của bà S và tài liệu đã thu thập xác định quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông M được xác lập vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới bà S và ông M sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của bà S, Tòa án đã thông báo cho ông M biết và mở phiên hòa giải nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho bà S và ông M giải quyết những bất đồng, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông M không đồng ý ly hôn, tham gia phiên tòa. Bà S kiên quyết xin ly hôn với ông M điều đó cho thấy hôn nhân giữa bà S và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà S.

[3] Về con chung: Bà S và ông M có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/5/2009, khi ly hôn theo nguyện vọng của con được ở với bà S và bà S đồng ý nuôi con, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, hiện tại con đang ở với bà S. Xét thấy hiện con chung đang ở với bà S và theo nguyện vọng của con, nên giao con cho bà S nuôi dưỡng để ổn định tâm lý con chung là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà S phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết S đối với ông Nguyễn Công M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết S được ly hôn với ông Nguyễn Công M.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/5/2009, giao bà S trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Minh T, ông M không cấp dưỡng nuôi con.

Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng ông M có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002822 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Tuyết S đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Công M không phải chịu án phí.

3- Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết S, bị đơn ông Nguyễn Công M vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lưu Thủy